TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 331/2026/QĐST-HNGĐ	*Nghệ An, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 616/2026/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N; sinh năm: 1972. CCCD: 040172017344, cấp ngày 6/8/2022. Địa chỉ: Chung cư G, phường T, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: anh Nguyễn Hồng N1; sinh năm 1968. CCCD: 01968000542, cấp ngày 05/4/2021. Địa chỉ: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào các Điều 36,147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng P sinh ngày 28/10/1996. Nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về khoản nợ: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 thống nhất chị N chịu cả 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng trong số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000073 ngày 3/7/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Nghệ An.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Thành Vinh (nơi ĐKKH);
- Lưu: VP, Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy